TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST Ngày 22-5-2024 "V/v Ly hôn giữa chị Y và anh K"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- TKnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm 6, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 6, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Y xin vắng mặt, anh K vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y và anh Lê Văn K đăng ký kết hôn ngày 14-11-2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Cường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh K ở xã HC đến năm 2017 thì chuyển đến sinh sống tại xóm 6, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống của hai người không được vui vẻ, hạnh phúc vì thường xuyền xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to

tiếng. Từ tháng 8/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm đối với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị Y đề nghị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Kiều Ch, sinh ngày 30-10-2008; cháu Lê Kiều Tr, sinh ngày 02-01-2011 và cháu Lê Minh K1, sinh ngày 02-11-2018. Khi ly hôn, chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Kiều Ch và cháu Lê Kiều Tr còn cháu Lê Minh K1 sẽ do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai anh Lê Văn K trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Y có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống như chị Y đã trình bày. Quá trình chung sống, do anh K có sai lầm, quan hệ không chính đáng với người khác dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh K đã nhận ra lỗi lầm của mình nên đã xin lỗi vợ con và hai bên gia đình. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn, vì các con nên anh K không muốn gia đình tan vỡ nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Kiều Ch, sinh ngày 30-10-2008, cháu Lê Kiều Tr, sinh ngày 02-01-2011 và cháu Lê Minh K1, sinh ngày 02-11-2018 như chị Y đã trình bày. Nếu phải ly hôn, anh K nhận nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị Y phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Anh K đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hải Y có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Y và anh K theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y và anh Lê Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định ngày 14-11-2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hải Y và anh Lê Văn K thì thấy: Chị Y và anh K đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 8-2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm đối với nhau. Chị Y làm đơn xin ly hôn, anh K không muốn ly hôn, đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải và tạo điều kiện về thời gian cho anh K đưa ra giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh K không đưa ra được biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ. Chị Y vẫn giữ ý kiến xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải thêm. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị Y đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hải Y là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị Y có nguyện nuôi 02 con chung là cháu Lê Kiều Ch và Lê Kiều Tr, để cháu Lê Minh K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; anh Lê Văn K nhận nuôi cả 03 con; chị Y và anh K đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị Y và anh K thì thấy: Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Kiều Tr và Lê Kiều Ch, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y và nguyện vọng của cháu Ch và cháu Tr, giao cháu Lê Kiều Ch và Lê Kiều Tr cho chị Y, giao cháu Lê Minh K1 cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Y và anh K đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hải Y phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hải Y và anh Lê Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Kiều Ch, sinh ngày 30-10-2008, cháu Lê Kiều Tr, sinh ngày 02-01-2011 cho chị Y, giao cháu Lê Minh K1, sinh ngày 02-11-2018 cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Y và anh K có nghĩa vụ giao con cho nhau nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Y và anh K tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Hải Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002965 ngày 07-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HC: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái